

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 140/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/6/2021

V/v bà V xin ly hôn ông T.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Đức**;

Bà **Nguyễn Thị Hoa**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia
phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2021/TLST –
HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 10/2021/QĐHPT-LH ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Bà **Vương Thị V**, sinh năm 1975.

Bị đơn: Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Bà V có mặt. Ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn
vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2020, các tài liệu khác có
trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vương Thị V trình
bày:*

Tôi và anh Trần Hữu T đăng ký kết hôn ngày 19/3/1995 tại UBND xã Đ,
huyện Q, thành phố Hà Nội. Trước khi cưới chúng tôi có tìm hiểu vài tháng. Khi
tìm hiểu cả hai đều làm ruộng tại quê. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau

luôn tại nhà chồng ở thôn Đ và ở riêng luôn. Sau 01 năm mẹ chồng cho mảnh đất bên cạnh thì vợ chồng làm nhà cấp 4 và chuyển ra đó ở. Đến năm 2003 vợ chồng mới làm nhà khang trang và ở đến nay. Vợ chồng lấy nhau được nửa tháng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh T thường xuyên chơi cờ bạc, gái gú, đánh đập tôi tàn nhẫn không quan tâm gì đến vợ con. Năm 2011, 2012 anh T nghiện ma túy bị Công an huyện Q đưa đi cai nghiện bắt buộc trên Sóc Sơn 2 năm. Khi anh T đi cai nghiện, tháng nào tôi cũng đến thăm nom tiếp tế cho anh T. Sau cai nghiện anh T vẫn mãi chơi không chịu làm ăn. Toàn bộ việc làm ăn và nuôi dưỡng, chăm sóc con do tôi đảm nhiệm. Khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2019 anh T có ăn ở với một cô tên là T ở Phú Thọ như vợ chồng về thường xuyên đánh đập tôi. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Tháng 2 năm 2020 anh T mang xe máy SH của tôi đi cầm lấy tiền tiêu xài. Tôi phải bỏ ra 35 triệu đồng đi chuộc về. Anh T cũng đã nhiều lần cầm nhà đất và xe máy của các con tôi phải đi chuộc về. Nói chung mẹ con tôi cứ sơ hở tài sản gì ra ngoài là anh T tôi mang đi cầm lấy tiền chơi cờ bạc. Con trai tôi cũng không ở được với bố phải đưa vợ con ra bên ngoài ở thuê, không ở với bố. Hiện nay chỉ có anh T ở nhà một mình. Anh T cũng nhiều lần gọi tôi về chung sống nhưng tôi thấy anh T không sửa chữa tính nết nên tôi không về nhà nữa.

Nay các con tôi đã lớn và trưởng thành; các con tôi cũng đồng thuận cho bố mẹ ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi kiên quyết xin ly hôn để giải phóng cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung.

- Cháu Trần Thị Q, sinh năm 1995 đã trưởng thành và xây dựng gia đình.
- Cháu Trần Hữu Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành và xây dựng gia đình.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không.

**Bị đơn ông Trần Hữu T trình bày:*

Tôi và chị Vương Thị V đăng ký kết hôn ngày 19/3/1995 tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng 4 đến 5 tháng. Khi tìm cả hai đều làm ruộng tại quê. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà chồng ở thôn Đ và ở riêng luôn. Sau gần một năm mẹ chồng cho mảnh đất bên cạnh thì vợ chồng làm nhà đơn giản, hai vợ chồng chuyển ra đó ở. Đến 20 tháng 10 năm 2004 vợ chồng mới làm nhà đàng hoàng và ở đến nay. Riêng chuyện cờ bạc thì tôi thường xuyên chơi bởi nhưng vợ không nói gì mà cam chịu. Ngoài ra tôi còn nghiện ma túy từ năm 2004. Đến năm 2012 tôi bị Công an huyện Q đưa đi cai nghiện bắt buộc 24 tháng ở Sóc Sơn, Hà Nội. Khi tôi đi cai nghiện thì chị V vẫn thăm nom bình thường. Sau này tôi thỉnh thoảng

có chơi bởi cầm xe của vợ con chơi cờ bạc. Tôi không nhớ cầm bao nhiêu lần. Có lần tôi bán đất rau của tôi bán mấy chục triệu sau đó chị V lại chuộc lại. Trước đây tôi có một vài lần đánh chị V còn hiện nay tôi không đánh. Cờ bạc hiện nay tôi đã giảm đi nhiều khoảng 80% để gia đình êm ấm. Đến năm 2020 mới phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ ở Thái Nguyên khoảng 1, 2 tháng thì vợ bắt được tin nhắn trên điện thoại. Sau đó tôi bỏ luôn và quay lại ở với chị V bình thường như trước.

Nay chị V làm đơn xin ly hôn tôi nhưng tôi không nhất trí ly hôn chỉ muốn gia đình đoàn tụ tôi có nhiều cái sai tôi xin hứa sẽ sửa nhưng vợ tôi cố tình không cho tôi cơ hội sửa. Chỉ vì con trai tôi trong thời gian này có nhiều điều hư chơi bởi trong xã hội nên tôi muốn đoàn tụ gia đình để dạy con lên người. Tôi có những lời lẽ không đúng với vợ và gia đình do vợ tôi không cho tôi cơ hội sửa chữa. Nếu cho tôi cơ hội sửa chữa gia đình sẽ hòa thuận, êm ấm.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung.

- Cháu Trần Thị Q, sinh năm 1995 đã trưởng thành và xây dựng gia đình.
- Cháu Trần Hữu Q, sinh năm 1999 đã trưởng thành và xây dựng gia đình.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- **Về tố tụng:** Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa là có căn cứ. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Bà Vương Thị V và ông Trần Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T chơi bời cờ bạc, rượu chè, đánh đập bà V và có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V đã làm đơn xin ly hôn ông T để giải phóng cho cả hai người. Do vậy đề nghị HĐXX xử bà V ly hôn ông T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Trần Thị Q, sinh năm 1995 và cháu Trần Hữu Q, sinh năm 1999. Hai cháu đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà V tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]**Về tố tụng:** Ông Trần Hữu T có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Q.

[2]**Về hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T chơi bời cờ bạc, rượu chè, đánh đập bà V và có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác ảnh hưởng tới tình cảm, kinh tế của vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V đã làm đơn xin ly hôn ông T nên xử cho bà V ly hôn ông T là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Trần Thị Q, sinh năm 1995 và cháu Trần Hữu Q, sinh năm 1999. Hai cháu đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công sức: Hai vợ chồng tự giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không.

Về án phí : Bà Vương Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Vương Thị V đối với ông Trần Hữu T.

1. Về hôn nhân:

Xử: Bà Vương Thị V ly hôn ông Trần Hữu T.

2. Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Trần Thị Q, sinh năm 1995 và cháu Trần Hữu Q, sinh năm 1999. Hai cháu đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung, công sức chung:

Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Bà Vương Thị V tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000057 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh